

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2023

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Dương Văn L, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào tháng 11/2015 chị N và anh Dương Văn L tự nguyện chung sống, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2021 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị N và anh L không còn sống chung từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh L có 02 người con chung tên Dương Thị Bảo T1, sinh ngày 15/5/2007 và Dương Văn T2, sinh ngày 25/11/2011, hiện cháu T2 đang sống chung với chị N, còn cháu T1 đang sống chung với anh L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn L.

- Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Dương Văn T2, sinh ngày 25/11/2011, cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu T2. Chị N thống nhất giao con chung tên Dương Thị Bảo T1, sinh ngày 15/5/2007 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T1 thành niên, chị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu T1.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 95/TB-TLVA ngày 14 tháng 11 năm 2022, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Dương Văn L, nhưng anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vắng mặt không có lý do, chị N có đơn yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được; Tòa án đã đến nhà anh L để lấy lời khai nhưng anh L thường xuyên đi làm, không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy lời khai của anh L được và cũng không có lời khai của anh L trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị N và anh L có 02 người con chung tên Dương Thị Bảo T1, sinh ngày 15/5/2007 và Dương Văn T2, sinh ngày 25/11/2011. Tại văn bản

ghi nhận ý kiến lập ngày 05/12/2022, cháu T2 có nguyện vọng được sống chung với chị N; tại văn bản ghi nhận ý kiến lập ngày 05/12/2022, cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với anh L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Dương Văn T2, sinh ngày 25/11/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao cháu Dương Thị Bảo T1, sinh ngày 15/5/2007 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, chị N và anh L không yêu cầu Tòa án xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau cho chị N và anh L.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị N có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị Kim N và anh Dương Văn L cùng cư trú tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn L và yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị N đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị N nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị N đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Võ Thị Kim N là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Võ Thị Kim N và bị đơn anh Dương Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, và anh L vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị Võ Thị Kim N và anh Dương Văn L.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1990 và anh Dương Văn L, sinh năm 1975 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân

dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2011 ngày 28 tháng 01 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Kim N và anh Dương Văn L là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Võ Thị Kim N, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị N và anh L hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 12 năm 2021, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị N và anh L không còn sống chung từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Chị N và anh L đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N và anh L trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[5] Về con chung: Chị N và anh L có 02 người con chung tên Dương Thị Bảo T1, sinh ngày 15/5/2007 và Dương Văn T2, sinh ngày 25/11/2011. Cháu T2 hiện nay đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu T1 hiện nay đang do anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại văn bản ghi nhận ý kiến lập cùng ngày 05/12/2022, thì cháu T2 có nguyện vọng được sống chung với chị N, cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với anh L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Dương Văn T2, sinh ngày 25/11/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; giao cháu Dương Thị Bảo T1, sinh ngày 15/5/2007 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh L không yêu cầu Tòa án xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau cho chị N và anh L mà không ai được cản trở. Chị N và anh L không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Võ Thị Kim N là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Kim N và anh Dương Văn L ly hôn.
2. Về con chung: Giao con chung tên Dương Văn T2, sinh ngày 25/11/2011 cho chị Võ Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; giao cháu Dương Thị Bảo T1, sinh ngày 15/5/2007 cho anh Dương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị N và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau mà không ai được cản trở. Chị N và anh L không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
5. Về án phí: Chị Võ Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005003 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Võ Thị Kim N đã nộp xong án phí.
6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã A, huyện C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn